BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3755/BVHTTDL-PC	
V/v lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND
Số: 3173
ĐẾN Ngày: 22/9/16
Chuyển: Văn Xã (VT)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Kế hoạch công tác của Chính phủ, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch triển khai xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo (sau đây gọi là dự thảo Nghị định).

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định, ngày 11/5/2016, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã gửi công văn số 1683/BVHTTDL-PC về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định đề nghị các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đóng góp ý kiến, tuy nhiên, Bộ Tư pháp đề nghị tiếp tục lấy ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tại văn bản số 281/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 12/9/2016 về việc thông báo về đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng gửi tới quý cơ quan dự thảo Tờ trình và Nghị định để lấy ý kiến đóng góp.

Văn bản góp ý gửi về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Vụ Pháp chế) hoặc địa chỉ email: oanhlt75@gmail.com trước ngày 10/10/2016. Quá thời hạn trên không có văn bản góp ý được hiểu Quý cơ quan hoàn toàn nhất trí với dự thảo văn bản.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng *(để báo cáo)*;
- Thứ trưởng Huỳnh Vĩnh Ái;
- Lưu: VT, PC, TO (70).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Vĩnh Ái

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BVHTTDL	

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ năm 2016, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo (gọi tắt là dự thảo Nghị định) với những nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo được ban hành đã giúp cho công tác thực thi pháp luật trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo được tăng cường và đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, bên cạnh những hiệu quả mang lại 02 Nghị định trên vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, cụ thể:

Thứ nhất, năm 2013 và 2014, Chính phủ đã ban hành các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, theo thống kê của Bộ Tư pháp có 23 nghị định (danh mục kèm theo Công

văn số 2729/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL) không quy định cụ thể về thẩm quyền xử phạt của các lực lượng chức năng theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, trong đó có Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo. Vì vậy, dẫn đến nhiều khó khăn, vướng mắc trong thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, chủ yếu là việc phân định thẩm quyền xử phạt của các lực lượng có thẩm quyền xử phạt giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến các hành vi quy định tại 02 Nghị định trên.

Thứ hai, một số văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành cần có sự bổ sung, điều chỉnh các hành vi mới để có chế tài áp dụng khi xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

Thứ ba, một số hành vi vi phạm quy định chưa rõ ràng, khó áp dụng trong thực tế hoặc còn bỏ lọt hành vi vi phạm hành chính chưa có chế tài để áp dụng.

Thứ tư, một số hành vi vi phạm trùng với hành vi vi phạm đã quy định tại các Nghị định xử phạt khác nhưng mức phạt khác nhau, dẫn đến cùng một hành vi vi phạm xử lý mỗi nơi mỗi khác, cần phải có sự thống nhất chỉ quy định tại một nghị định. Đồng thời có hành vi quy định tại Nghị định xử phạt khác nhưng xét thấy cần thiết phải quy định tại Nghị định này.

Để khắc phục kịp thời những bất cập trên đây, việc sửa đổi, bổ sung 02 Nghị định nói trên là cần thiết nhằm góp phần tăng cường pháp chế và phù hợp với sự phát triển khách quan của thực tiễn.

II. QUAN ĐIỂM VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Quan điểm xây dựng Nghị định

Dự thảo Nghị định được xây dựng dựa trên những quan điểm cơ bản như sau:

- Rà soát quy định của các văn bản mới được ban hành để xây dựng các chế tài xử lý hành chính phù hợp. Sửa đổi, bổ sung các hành vi vi phạm xảy ra trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo, với các hình thức xử phạt chính, các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả cụ thể, rõ ràng, không cần quy định chi tiết, đồng thời bãi bỏ những hành vi trùng giữa các nghị định xử phạt.

- Đối với những hành vi vi phạm có liên quan đến các lĩnh vực chuyên ngành khác, dự thảo Nghị định sử dụng phương pháp dẫn chiếu sang các Nghị định xử phạt của Chính phủ có liên quan. Đối với những hành vi có liên quan đến thẩm quyền xử phạt của các lực lượng khác nhau cần phải phân định rõ thẩm quyền xử phạt.

- Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính một cách cụ thể, rõ ràng giữa các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính của các ngành, lĩnh vực.

2. Quá trình soạn thảo

Trong quá trình soạn thảo dự thảo Nghị định, cơ quan chủ trì đã thực hiện đúng quy trình theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch không tổ chức Hội nghị sơ kết 2 năm thực hiện 02 Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo mà chỉ gửi văn bản đề nghị 65 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao đánh giá tình hình 2 năm thực hiện Nghị định số 131/2013/NĐ-CP và Nghị định số 158/2014/NĐ-CP (có báo cáo sơ kết 2 năm thực hiện 02 Nghị định riêng). Đồng thời gửi văn bản đề nghị các Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá 2 năm thi hành Nghị định số 158/2013/NĐ-CP (do có phần quảng cáo liên quan đến chức năng của 3 Bộ). Trên cơ sở đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổng hợp, rà soát các hành vi còn thiếu và không còn phù hợp, những hành vi vướng mắc tại 02 Nghị định trên và xác định cụ thể thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với từng lực lượng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, quảng cáo và quyền tác giả, quyền liên quan.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập bao gồm đại diện các cơ quan, đơn vị liên quan, xây dựng dự thảo Nghị định và các văn bản khác theo quy định. Tổ chức các cuộc họp, Hội thảo 3 miền Bắc, Trung, Nam và gửi văn bản lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp, các đối tượng liên quan khác và các chuyên gia, đăng tải các dự thảo trên trang Thông tin điện tử của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Chính phủ.

- Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị định và các văn bản theo quy định. Gửi hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

III. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về nội dung dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được chia thành 4 điều sửa đổi, bổ sung 30 vấn đề tại 2 Nghị định.

a) Điều 1 sửa đổi, bổ sung 7 vấn đề tại Nghị định số 131/2013/NĐ-CP về thẩm quyền và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan, trong đó quy định cụ thể thẩm quyền của thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giao thông vận tải. Đồng thời phân định thẩm quyền cụ thể của bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, hải quan và quản lý thị trường. Cụ thể sửa đổi Điều 38 về thẩm quyền thanh tra chuyên ngành, sửa đổi Điều 40 về phân định thẩm quyền giữa 5 lực lượng: bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, hải quan và quản lý thị trường và thanh tra chuyên ngành và bổ sung 4 điều (từ Điều 40a đến Điều 40d về thẩm quyền xử phạt của bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, hải quan và quản lý thị trường).

b) Điều 2 sửa đổi, bổ sung 27 vấn đề tại Nghị định số 158/2013/NĐ-CP liên quan đến các lĩnh vực điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, thi người đẹp, người mẫu, hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, di sản văn hóa, du lịch và quảng cáo, cụ thể:

- Về điện ảnh:

Sửa đổi Điều 6 quy định cụ thể hơn và phù hợp với thực tế do chất liệu để lưu trữ phim không chỉ là băng và đĩa mà còn nhiều chất liệu khác có thể lưu trữ được. Hơn nữa khái niệm nơi công cộng chưa bao quát được hết địa điểm, địa chỉ để phổ biến phim, vì vậy cần phải sửa để phù hợp hơn. Mặt khác bổ sung hành vi về tiêu chuẩn rạp chiếu phim, phòng chiếu phim và phân loại phim (phạm vi, nội dung phổ biến phim) nhằm hướng tới bảo vệ quyền lợi của người xem phim. Đồng thời bổ sung hành vi vi phạm khi đưa phim tham dự liên hoan phim trong nước và quốc tế.

- Về sản xuất bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu:

+ Bổ sung một số hành vi tại Điều 10, 12 như: sản xuất, biểu diễn tác phẩm không phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức; biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang để thu âm, thu hình có nội dung truyền bá tệ nạn xã hội, không phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam; xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân. Tăng hình thức phạt bổ sung đối với một số hành vi để bảo đảm tính răn đe trên thực tế tại Điều 13.

+ Tại Điều 14 bổ sung một số hành vi của thí sinh ra nước ngoài thi người đẹp, người mẫu có hành vi không phù hợp với quy định của Ban tổ chức, pháp luật nước sở tại, không phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức, truyền thống, phong tục Việt Nam.

- Về nếp sống văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng:

Sửa đổi và bổ sung các điều 15, 16, 18 và 19 do có hành vi không có tính khả thi trên thực tế, thiếu hành vi do có văn bản mới được ban hành, đồng thời bổ sung hành vi vi phạm về tiếng ồn tại các cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường, nơi tổ chức biểu diễn nghệ thuật và hoạt động vui chơi giải trí khác được quy định trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường nhưng Thanh tra Văn hóa, Thể thao và du lịch không có thẩm quyền áp dụng để xử lý.

- Về di sản văn hóa: Tại Điều 23 sửa đổi một số hành vi cho phù hợp với tính chất và mức độ vi phạm.

- Về thể dục thể thao: Tại Điều 34 bổ sung hành vi vi phạm về giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

- Về du lịch: lược bỏ một số hành vi do trùng và chưa phù hợp với quy định của Luật du lịch (Điểm b Khoản 1 Điều 42 và Điểm a Khoản 6 Điều 45), bổ sung hành vi kinh doanh lữ hành nội địa mà không thành lập doanh nghiệp (Khoản 9 Điều 42). Bãi bỏ hành vi bị trùng tại Khoản Điểm b Khoản 4 Điều 42.

- Về quảng cáo: lược bỏ hành vi do bị trùng (Điểm e Khoản 2 Điều 66), tách hành vi để mức phạt phù hợp hơn với đối tượng bị xử phạt (Khoản 1 Điều 51), sửa đổi một số cụm từ cho phù hợp với pháp luật nội dung, bổ sung hành vi quảng cáo về phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt tại Điều 77a vì chưa quy định.

c) Sửa đổi, bổ sung về thẩm quyền và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo, trong đó quy định rõ thẩm quyền của thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ. Đồng thời phân định thẩm quyền cụ thể của bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, hải quan và quản lý thị trường. Cụ thể sửa đổi Điều 81 về thẩm quyền thanh tra chuyên ngành, sửa đổi Điều 83 về phân định thẩm quyền giữa 5 lực lượng: bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, hải quan, quản lý thị trường và thanh tra chuyên ngành và bổ sung 4 điều (từ Điều 83a đến Điều 83d về thẩm quyền xử phạt của bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, hải quan và quản lý thị trường).

IV. TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN BỘ, NGÀNH, UBND TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG, Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Ban soạn thảo đã tiếp thu ý kiến của các tổ chức, cá nhân đăng tải trên trang Thông tin điện tử của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Chính phủ về dự thảo Nghị định, đã tổ chức trên 10 cuộc họp, hội thảo với các đơn vị liên quan. Các nội dung góp ý tại các cuộc hội thảo hoặc góp ý bằng văn bản đã được Ban soạn thảo tiếp thu và xử lý trước khi gửi dự thảo Nghị định lấy ý kiến chính thức các Bộ, ngành, địa phương.

Sau khi gửi dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định lấy ý kiến các Bộ, ngành và các địa phương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã nhận được một số ý kiến đóng góp, về cơ bản đa số đều nhất trí với dự thảo Nghị định. Các ý kiến bổ sung về các hành vi vi phạm trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo, thẩm quyền xử phạt của các Bộ, ngành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiếp thu và chỉnh sửa đầy đủ tại dự thảo Nghị định. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức cuộc họp cuối với các Bộ, ngành trước khi trình Chính phủ, đã nhận được ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành.

Về ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp:

.....

Trên đây là các nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC, TO (10).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2016/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2016*

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan

1. Sửa đổi Điều 38 như sau:

"Điều 38. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, Chánh Thanh tra Cục Hàng không, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm a Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:

a) Phạt tiền đến 175.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm a Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Cục trưởng Cục Viễn thông, Cục trưởng Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Xuất bản có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này."

2. Sửa đổi số thứ tự các khoản 3, 4 và 5 sau khoản 3 Điều 39 thành các khoản 4, 5 và 6.

3. Sửa đổi Điều 40 như sau:

"Điều 40. Phân định thẩm quyền của Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Quản lý thị trường và Thanh tra

1. Những người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều 8; Điều 16; hành vi nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại Khoản 3 Điều 20; hành vi nhập khẩu quy định tại Khoản 3 và hành vi nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại Khoản 4 Điều 35 của Nghị định này theo quy định tại Điều 40a Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Những người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều 8; Điều 16; hành vi nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại Khoản 3 Điều 20; Điểm b Khoản 2 Điều 29; hành vi nhập khẩu quy định tại Khoản 3 và hành vi nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định này theo quy định tại Điều 40b Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Những người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 16; hành vi nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại Khoản 3 Điều 20; hành vi nhập khẩu quy định tại Khoản 3 và hành vi nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại Khoản 4 Điều 35 của Nghị định này theo quy định tại Điều 40c Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Những người có thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 6, 8, 14, 15, 18, 19, hành vi sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, bán hoặc cho thuê tại Khoản 3 Điều 20; các điều 24, 26, 27, 28, 29, 31, 33, 34 và hành vi phân phối quy định tại Khoản 3 và hành vi sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, bán hoặc cho thuê tại Khoản 4, hành vi phân phối tại Khoản 5 Điều 35 của Nghị định này theo quy định tại Điều 40d Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này như sau:

a) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 Nghị định này.

b) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Thông tin và Truyền Thông có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 9, 10, 11, 12, 13, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28; Khoản 2 và Khoản 3 Điều 29; các điều 30, 31, 32, 33, 34 và 35 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

c) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Giao thông vận tải có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều 8; Điểm b Khoản 2 Điều 29 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Bổ sung Điều 40a như sau:

"Điều 40a. Thẩm quyền của Bộ đội biên phòng

1. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Nghị định này.

2. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Nghị định này."

5. Bổ sung Điều 40b như sau:

"Điều 40b. Thẩm quyền của Cảnh sát biển

1. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

b) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Nghị định này.

4. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Nghị định này.

5. Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Nghị định này.

6. Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Nghị định này."

6. Bổ sung Điều 40c như sau:

"Điều 40c. Thẩm quyền của Hải quan

1. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và g Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm a Khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và g Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Nghị định này.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và g Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Nghị định này."

7. Bổ sung Điều 40d như sau:

"Điều 40d. Thẩm quyền của Quản lý thị trường

1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm đ, e và g Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Nghị định này.

2. Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo

1. Bổ sung Khoản 8, 9 và 10 Điều 2 như sau:

"8. Buộc bổ sung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rạp chiếu phim, cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với phòng chiếu phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim.

9. Buộc dỡ bỏ tác phẩm vi phạm dưới hình thức điện tử, trên môi trường Internet và kỹ thuật số.

10. Buộc thu hồi giải thưởng trao cho cá nhân đạt giải cuộc thi người đẹp, người mẫu; giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động thể thao."

2. Sửa đổi Khoản 2 Điều 3 như sau:

"2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân, trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1, Điểm a Khoản 3, Điểm d Khoản 4 Điều 4; Khoản 5 Điều 6; Điều 8; các điểm a, b và c Khoản 1, Điểm b Khoản 2, Khoản 3 Điều 10; Điểm b Khoản 1, Điểm a Khoản 3, các điểm a, b và c Khoản 5, các khoản 6, 7 và 8 Điều 13; các khoản 1, 2, 3, 4, 6 và 7 Điều 14; Điểm b Khoản 2 Điều 15; Điểm a Khoản 1, Điểm b Khoản 3 Điều 17; Điểm c Khoản 3 Điều 23; Khoản 1 và các điểm a, b và c Khoản 2 Điều 24; Khoản 2 và Khoản 4 Điều 27; Điểm b Khoản 1 Điều 30; Khoản 2 Điều 32; Điều 33; Điều 34; Khoản 1 và Khoản 5 Điều 40; Điều 41; các điểm a, b và d Khoản 1, các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 42; Điểm c Khoản 1 Điều 52; Khoản 2 và Khoản 3 Điều 55; Khoản 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; các điểm a, b và c Khoản 3 Điều 59; Điểm a Khoản 2 Điều 68; Khoản 2 Điều 69 và Khoản 1 Điều 70 Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức. Đối với cùng một hành vi vi phạm mức phạt tiền của tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân."

3. Sửa đổi Điều 6 như sau:

"Điều 6. Vi phạm quy định về phổ biến phim

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi phổ biến phim tại nơi công cộng sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng, trừ trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều này.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phổ biến phim tại nơi công cộng được lưu trữ trên mọi chất liệu mà không có nhãn kiểm soát;

b) Phổ biến phim tại nơi công cộng, dưới hình thức điện tử, trên môi trường Internet và kỹ thuật số không đúng nội dung và phạm vi quy định trong giấy phép phổ biến phim hoặc quyết định phát sóng.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi phổ biến phim chưa được phép phổ biến tại nơi công cộng, dưới hình thức điện tử, trên môi trường Internet và kỹ thuật số.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi phổ biến phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm phổ biến, tiêu hủy hoặc có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát sóng phim đã có quyết định thu hồi, tịch thu, cấm phổ biến, tiêu hủy hoặc có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy;

b) Phim tham gia liên hoan phim quốc gia, quốc tế; hội chợ phim quốc tế; những ngày phim Việt Nam ở nước ngoài mà không có giấy phép phổ biến phim hoặc quyết định phát sóng theo quy định.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rạp chiếu phim theo quy định;

b) Không bảo đảm quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với phòng chiếu phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim trong quá trình hoạt động.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này;

b) Buộc dỡ bỏ tác phẩm vi phạm dưới hình thức điện tử, trên môi trường Internet và kỹ thuật số đối với hành vi quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

c) Buộc bổ sung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rạp chiếu phim, cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với phòng chiếu phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim theo quy định đối với hành vi quy định tại Khoản 6 Điều này."

4. Sửa đổi Khoản 4 Điều 10 như sau:

"4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, truyền bá tệ nạn xã hội; không phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam."

5. Sửa đổi Khoản 2 và Khoản 7 Điều 12 như sau:

"2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi phổ biến bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu có nội dung truyền bá tệ nạn xã hội, không phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam tại nơi công cộng, dưới hình thức điện tử, trên môi trường Internet và kỹ thuật số.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

b) Buộc dỡ bỏ tác phẩm vi phạm dưới hình thức điện tử, trên môi trường Internet và kỹ thuật số đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

a) Bổ sung Điểm đ Khoản 3 Điều 13 như sau:

"đ) Công bố, sử dụng danh hiệu đạt được tại các cuộc thi người đẹp, người mẫu do tham dự trái phép mà có."

b) Sửa đổi Khoản 9 Điều 13 như sau:

"9. Đình chỉ hoạt động biểu diễn từ 6 tháng đến 12 tháng đối với người biểu diễn có một trong các hành vi sau đây:

a) Biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang trước công chúng hoặc để thu âm, thu hình có nội dung truyền bá tệ nạn xã hội, không phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam; xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân;

b) Biểu diễn trước công chúng hoặc để thu âm, thu hình tác phẩm có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, tác phẩm bị cấm biểu diễn."

c) Bổ sung Khoản 9a sau Khoản 9 Điều 13 như sau:

"9a. Đình chỉ hoạt động biểu diễn 24 tháng đối với người biểu diễn tái phạm một trong các hành vi quy định tại Khoản 9 Điều này."

d) Sửa đổi Khoản 10 Điều 13 như sau:

"10. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động biểu diễn từ 3 tháng đến 6 tháng đối với người biểu diễn có hành vi quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 3, Điểm b Khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động biểu diễn từ 3 tháng đến 6 tháng đối với người biểu diễn có hành vi quy định tại Điểm d Khoản 5 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động tổ chức biểu diễn từ 1 tháng đến 3 tháng đối với tổ chức có hành vi quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều này."

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi đoạn đầu Khoản 3 Điều 14 như sau:

"3. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức thi người đẹp và người mẫu không đúng nội dung ghi trong giấy phép hoặc đề án tổ chức cuộc thi đã gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép như sau:"

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 14 như sau:

"5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thí sinh ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế theo quy định phải có giấy phép mà không có giấy phép;

b) Thí sinh ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế thực hiện hành vi trái với quy định của Ban tổ chức và pháp luật của nước sở tại làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Việt Nam và quan hệ đối ngoại;

c) Thí sinh đạt danh hiệu tại các cuộc thi người đẹp, người mẫu thực hiện hành vi không phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam;

d) Ban tổ chức không thu hồi giải thưởng trao cho cá nhân đạt giải cuộc thi người đẹp, người mẫu khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép yêu cầu."

c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 8 Điều 14 như sau:

"8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Buộc thu hồi giải thưởng trao cho cá nhân đạt giải cuộc thi người đẹp, người mẫu đối với hành vi quy định tại Điểm d Khoản 5 Điều này."

7. Sửa đổi Khoản 1 và Khoản 2 Điều 15 như sau:

"1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi dâng lễ, đặt tiền lễ, tiền giọt dầu, thắp hương hoặc đốt vàng mã không đúng quy định của Ban tổ chức lễ hội, Ban quản lý di tích; ném, thả tiền xuống giếng, ao hồ, cài tiền lên tay tượng, tay phật; nói tục, xúc phạm tâm linh gây ảnh hưởng đến không khí trang nghiêm; xả rác bừa bãi làm mất vệ sinh môi trường trong khu vực lễ hội.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức hoạt động cúng khấn trừ tà ma, chữa bệnh bằng phù phép, lên đồng phán truyền, xem bói, xin xăm, xóc thẻ, truyền bá sấm trạng, phù chú, cầu lợi cho mình gây hại cho người khác bằng cách yểm bùa và các hình thức tương tự khác;

b) Không treo cờ Tổ quốc hoặc treo cờ Tổ quốc ở nơi không trang trọng, không cao hơn cờ hội, cờ tôn giáo trong khu vực lễ hội."

8. Sửa đổi Điều 16 như sau:

"Điều 16. Vi phạm quy định về điều kiện tổ chức hoạt động văn hoá, kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây trong khu vực lễ hội, di tích:

a) Không thành lập Ban tổ chức lễ hội theo quy định;

b) Không niêm yết giá, không bán đúng giá niêm yết, chèo kéo, ép giá khách;

c) Bày bán đồ chơi có tính bạo lực, thực phẩm tươi sống;

d) Bán vé, thu tiền lễ hội;

đ) Không có nhà vệ sinh hoặc có nhà vệ sinh nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh trò chơi điện tử ở địa điểm cách trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông không bảo đảm khoảng cách theo quy định;

b) Kinh doanh karaoke và vũ trường ở địa điểm cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hoá, cơ quan nhà nước không bảo đảm khoảng cách theo quy định;

c) Kinh doanh dịch vụ hàng quán, nhà hàng, khách sạn, bến bãi phục vụ người tham gia lễ hội lấn chiếm khuôn viên di tích, cản trở giao thông trong khu vực lễ hội;

d) Tổ chức kinh doanh trò chơi điện tử không đúng thời gian theo quy định;

đ) Không đảm bảo đủ ánh sáng tại vũ trường và phòng karaoke theo quy định;

e) Không bảo đảm về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép tại nơi biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu và nơi tổ chức các hình thức vui chơi giải trí khác;

g) Không bảo đảm về tiêu chuẩn về độ ồn, độ rung tại nơi tổ chức hoạt động kinh doanh karaoke, vũ trường theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi phát hành vé quá số ghế hoặc quá sức chứa tại nơi tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không bảo đảm đủ diện tích của vũ trường, phòng hát karaoke theo quy định;

b) Không bảo đảm quy định về thiết kế cửa vũ trường, phòng hát karaoke.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thiết bị báo động tại cơ sở hoạt động karaoke, vũ trường không đúng quy định.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại Điểm c Khoản 1 và Khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại Điểm d Khoản 1 và Khoản 3 Điều này."

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 18 như sau:

"Điều 18. Vi phạm quy định về sản xuất, lưu hành băng, đĩa trò chơi điện tử, máy cài sẵn trò chơi điện tử"

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 18 như sau:

"4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sản xuất băng, đĩa trò chơi điện tử có nội dung đồi trụy;

b) Tổ chức trò chơi điện tử trên máy cài sẵn các trò chơi điện tử mà không dán tem hoặc dán tem không đúng quy định."

c) Bổ sung Khoản 4a sau Khoản 4 Điều 18 như sau:

4a. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này.

d) Sửa đổi Điểm a Khoản 5 Điều 18 như sau:

"a) Buộc tiêu huỷ tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại các khoản 1, 2, 3 và Điểm a Khoản 4 Điều này;"

10. Sửa đổi Khoản 2 Điều 19 như sau:

"2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán tranh, ảnh hoặc văn hóa phẩm khác có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy;

b) Hoạt động karaoke, quầy bar trong cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng từ 3 sao trở lên hoặc hạng cao cấp và các hình thức vui chơi giải trí khác vào thời gian không đúng quy định."

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 23 như sau:

"2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tuyên truyền, phổ biến, trình diễn và truyền dạy sai lệch nội dung, giá trị di sản văn hoá phi vật thể đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia hoặc được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc ghi danh;

b) Tuyên truyền, giới thiệu sai lệch nội dung, giá trị di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc ghi danh;

c) Lợi dụng việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa để trục lợi."

b) Sửa đổi Điểm c Khoản 3 Điều 23 như sau:

"c) Sửa chữa, tẩy xóa Bằng xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh hoặc Giấy chứng nhận di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia."

c) Sửa đổi Điểm a và Điểm c Khoản 5 Điều 23 như sau:

"a) Làm hư hại hiện vật trong bảo tàng, di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;"

"c) Đưa trái phép di vật, cổ vật ra nước ngoài."

d) Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 23 như sau:

"6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Huỷ hoại, làm thay đổi yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử-văn hoá, danh lam thắng cảnh;

b) Làm hư hại nghiêm trọng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, công trình văn hoá, nghệ thuật;

c) Đưa trái phép bảo vật quốc gia ra nước ngoài."

đ) Sửa đổi, bổ sung Khoản 8 Điều 23 như sau:

"8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại Điểm c Khoản 5 và Điểm c Khoản 6 Điều này;

b) Tịch thu phương tiện vi phạm đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều này."

e) Bổ sung Điểm a Khoản 9 Điều 23 như sau:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại Khoản 1 và Điểm b Khoản 6 Điều này;

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

" Điều 34. Vi phạm quy định về giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động thể thao

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không làm thủ tục đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định;

b) Không nộp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động thể thao để thu hồi theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh hoạt động thể thao không đúng môn thể thao ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động thể thao;

b) Kê khai không trung thực các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động thể thao.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh hoạt động thể thao mà không có giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định.

4. Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động thể thao từ 3 tháng đến 6 tháng đối với hành vi cho doanh nghiệp khác sử dụng tư cách pháp nhân, tên, giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động thể thao.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động thể thao từ 1 tháng đến 3 tháng đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này

b) Buộc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động thể thao đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này."

13. Sửa đổi Điều 42 như sau:

a) Bãi bỏ Điểm b Khoản 4 Điều 42.

b) Sửa đổi Khoản 9 Điều 42 như sau:

"9. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh lữ hành quốc tế mà không có giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế hoặc kinh doanh lữ hành nội địa mà không thành lập doanh nghiệp hoặc sử dụng tư cách pháp nhân, tên, Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế của doanh nghiệp khác."

14. Bãi bỏ Điểm a Khoản 6 Điều 45.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 51 như sau:

"1. Phạt tiền đối với hành vi treo, đặt, dán, vẽ các sản phẩm quảng cáo trên cột điện, trụ điện, cột tín hiệu giao thông và cây xanh nơi công cộng như sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người treo, đặt, dán, vẽ các sản phẩm quảng cáo trên cột điện, trụ điện, cột tín hiệu giao thông và cây xanh nơi công cộng;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ quảng cáo treo, đặt, dán, vẽ các sản phẩm quảng cáo trên cột điện, trụ điện, cột tín hiệu giao thông và cây xanh nơi công cộng."

b) Sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 51 như sau:

"b) Quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trật tự an toàn giao thông, an toàn xã hội, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, Khoản 1 Điều 61, Điểm a Khoản 2 Điều 63, Khoản 3 Điều 66 Nghị định này;"

16. Sửa đổi Điều 61 như sau:

"Điều 61. Vi phạm quy định về quảng cáo làm ảnh hưởng mỹ quan, trật tự giao thông, xã hội và trên phương tiện giao thông

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi phát tờ rơi quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trật tự an toàn giao thông, xã hội.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Quảng cáo tại mặt trước, mặt sau và trên nóc của một phương tiện giao thông;

b) Quảng cáo vượt quá diện tích mỗi mặt được phép quảng cáo của một phương tiện giao thông theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được quảng cáo trên tờ rơi làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trật tự an toàn giao thông, xã hội."

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này."

17. Bãi bỏ Điểm e Khoản 2 Điều 66.

18. Sửa đổi Điểm a Khoản 3 Điều 68 như sau:

"a) Quảng cáo thuốc không đúng với nội dung đã đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; quảng cáo thuốc đang trong thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ theo quy định; quảng cáo thuốc theo tài liệu thông tin quảng cáo đã được xác nhận hết giá trị; quảng cáo thuốc khi chưa nộp hồ sơ đăng ký quảng cáo thuốc tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền;"

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 70 như sau:

a) Sửa đổi Điểm a Khoản 4 Điều 70 như sau:

"a) Quảng cáo thực phẩm dưới hình thức các bài viết của bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế có nội dung mô tả thực phẩm có tác dụng điều trị bệnh; sử dụng hình ảnh, uy tín, thư tín của các đơn vị, cơ sở y tế, nhân viên y tế, thư cảm ơn của bệnh nhân để quảng cáo thực phẩm;"

b) Bổ sung Điểm c Khoản 4 Điều 70 như sau:

"c) Quảng cáo thực phẩm chức năng dưới dạng liệt kê công dụng của từng thành phần của sản phẩm."

20. Bãi bỏ Điểm b Khoản 2 Điều 76.

21. Bổ sung Điều 77 a sau Điều 77 như sau:

"Điều 77a. Vi phạm quy định về quảng cáo phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt không phù hợp với Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm hoặc văn bản công bố chất lượng sản phẩm.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt mà thiếu một trong các nội dung sau đây:

a) Tên phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt;

b) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính thông tin đối với hành vi quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này;

b) Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xóa quảng cáo đối với hành vi quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này."

22. Sửa đổi Điều 81 như sau:

"Điều 81. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Thanh tra

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a và Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh Thanh tra cấp sở, Chánh Thanh tra Cục Hàng không, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải, Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế, Chi cục trưởng Chi cục bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, thủy lợi, đê điều, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Tần số khu vực có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 2 Nghị định này.

3. Trưởng Đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch và đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 2 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra cấp bộ, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Thú y, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Cục trưởng Cục Viễn thông, Cục trưởng Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Xuất bản, Cục trưởng Cục Quản lý dược, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Cục trưởng Cục An toàn vệ sinh thực phẩm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 2 Nghị định này."

23. Sửa đổi Điều 83 như sau:

"Điều 83. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Quản lý thị trường và Thanh tra

1. Những người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm c Khoản 5, Điểm b Khoản 7 Điều 23 và Điều 27 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 83a Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao (theo quy định tại).

2. Những người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm c Khoản 5, Điểm b Khoản 7 Điều 23 và Điều 27 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 83b Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Những người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm c Khoản 5, Điểm b Khoản 7 Điều 23 và Điều 27 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 83c Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Những người có thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 16, 17, 18, 19, 21; Điểm a Khoản 1 Điều 22; Khoản 7 Điều 23; các điều 41, 42, 43; Khoản 1 và Khoản 2 Điều 45, Điều 46; Điểm a Khoản 1 Điều 48; Điều 51; Khoản 1 và Khoản 2 Điều 66; Mục 4 Chương III của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 83d Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này như sau:

a) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 81 Nghị định này.

b) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 5 Điều 6; Điều 18; Điểm c Khoản 1 Điều 45; Mục 1 và Mục 2 Chương III của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 81 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

c) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Y tế có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 35; Điều 38; các điều 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73 và 74 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 81 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

d) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 67, 75, 76, 77 và 78 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 81 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

đ) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Xây dựng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 3 Điều 22; hành vi treo, đặt, dán, vẽ các sản phẩm quảng cáo trên cây xanh nơi công cộng tại Khoản 1 Điều 51; các khoản 5, 6 và 7 Điều 60 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 81 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

e) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Giao thông vận tải có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm a Khoản , Khoản 3 Điều 35; hành vi không có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của phương tiện tại Khoản 2 Điều 36; Điều 39; hành vi không thực hiện đúng chế độ báo cáo vận chuyển khách du lịch cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điểm b Khoản 1, các khoản 2, 3, 4, 5, Điểm c và Điểm d Khoản 6 và Khoản 7 Điều 48; Điểm b Khoản 2 Điều 51; hành vi quảng cáo trên bảng, băng rôn không tuân theo quy định về hành lang an toàn giao thông, che khuất đèn tín hiệu giao thông tại Điểm c Khoản 3 Điều 60; Điều 61; Điểm b Khoản 3 Điều 66 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 81 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

g) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1, hành vi sử dụng dụng cụ, trang thiết bị không có giấy chứng nhận về tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 81 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

h) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Lao động – Thương binh và Xã hội có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm c Khoản 3, Điểm d Khoản 4 Điều 42; Điểm a Khoản 3 Điều 44 và Điều 49 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 81 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

i) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Ngân hàng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả

đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều 42; Điểm đ Khoản 5 Điều 51 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 81 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

k) Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 16; Điểm b Khoản 5 Điều 23; Điểm d Khoản 1, Điểm c Khoản 3 Điều 35; hành vi không thực hiện đúng chế độ báo cáo bảo vệ môi trường du lịch cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 48; Điểm a Khoản 1 Điều 62 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 81 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

24. Bổ sung Điều 83a như sau:

"Điều 83a. Thẩm quyền của Bộ đội biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền 2.500.000 đồng.

3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a và Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 2 Nghị định này.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a và Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 2 Nghị định này."

25. Bổ sung Điều 83b như sau:

"Điều 83b. Thẩm quyền của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a và Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 2 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a và Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 2 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a và Điểm đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 2 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và đ Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 2 Nghị định này."

26. Bổ sung Điều 83c như sau:

"Điều 83c. Thẩm quyền của Hải quan

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm đ và Điểm i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 2 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm đ và Điểm i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 2 Nghị định này.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm đ và Điểm i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 2 Nghị định này."

27. Bổ sung Điều 83d như sau:

"Điều 83d. Thẩm quyền của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 2 Nghị định này.

3. Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 2 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 2 Nghị định này."

Điều 3. Hiệu lực của Nghị định

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ....tháng ... năm 2017.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành Nghị định

1. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNTVN;
- Các hội VHNT Trung ương;
- Hội VHNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP:BTCN, các PCN, TLBT, Công báo, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc VPCP;
- Lưu: VT, KGVX (5b).....

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc